

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VẬN HÀNH & KHAI THÁC BẤT ĐỘNG SẢN GELEXIMCO

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VẬN HÀNH & KHAI THÁC BẤT ĐỘNG SẢN GELEXIMCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GELEXIMCO PROPERTY MANAGEMENT & EXPLOITATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GELEXIMCO PME., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109427819

3. Ngày thành lập: 24/11/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 234, đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Quản lý các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, công trình giao thông đô thị; - Tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản (không bao gồm hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất). (Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6820(Chính)
2.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà hàng, siêu thị, khách sạn, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường); - Hoạt động quản lý vận hành nhà chung cư, khu đô thị, văn phòng; - Kinh doanh bất động sản. (Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6810
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6.	Xây dựng công trình điện	4221
7.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

9.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
10.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
11.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
18.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
19.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
20.	Cơ sở lưu trú khác	5590
21.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
23.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
24.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn kế toán, tư vấn thuế, tư vấn chứng khoán)	7020
25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
27.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
28.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
29.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
30.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: - Dịch vụ bảo vệ an toàn.	8010
31.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
32.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
33.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
34.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
35.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
36.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
37.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không bao gồm tổ chức hợp báo)	8230
38.	Giáo dục tiểu học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8521

39.	Giáo dục trung học cơ sở (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8522
40.	Giáo dục trung học phổ thông (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8523
41.	Đào tạo sơ cấp (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8531
42.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động của các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể, tôn giáo)	8559

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ VĂN TIỀN	Số 64 Nguyễn Lương Bằng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	669.200	6.692.000.000	33,460	034059003584	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	669.200	6.692.000.000	33,460		

2	VŨ VĂN HẬU	Lô số 6-Khu 1,3Ha, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	1.041.200	10.412.000.000	52,060	034071003957	
			Cổ phần phổ thông	1.041.200	10.412.000.000	52,060		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
3	VŨ THỊ HƯƠNG	Số 3, khu 1,3ha, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	289.600	2.896.000.000	14,480	012073511	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	289.600	2.896.000.000	14,480		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ VĂN HẬU**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *26/08/1971*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *034071003957*

Ngày cấp: *14/11/2016*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Lô số 6-Khu 1,3Ha, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Lô số 6-Khu 1,3Ha, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội